

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST

Ngày: 17/3/2023

*“V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản và nợ hui”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Phường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Vững** và ông **Nguyễn Văn Tuấn**.

- Thư ký phiên toà: Bà **Hồ Thị Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên toà:
Bà **Nguyễn Phan Hoàng Yên** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 12 năm 2022, ngày 17 tháng 01 năm 2023, ngày 17 tháng 02 năm 2023 và ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 114/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và nợ hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 847/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn:

Chị **Huỳnh Thị Thùy T**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp 1, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bà **Ngô Thị Kim O**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp 1, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền chị T, bà O và bà P: Anh **Đương Nhật Đ**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
Theo văn bản ủy quyền ngày 01/4/2022 và ngày 04/4/2022.

2. Bị đơn:

Ông **Lê Văn C**, sinh năm 1953;

Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người làm chứng:

Anh **Ngô Trung C**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp 3, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Ấp 1, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ông **Lê Văn S**, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Đ có mặt; Ông C và bà T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm anh Dương Nhật Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:*

Trước đây, bà P có làm đầu thảo (Tổ trưởng) các dây hội (Tổ hùn vốn xoay vòng), ông C và bà T có tham gia như sau:

- Dây hội 5.000.000 đồng, khai ngày 20/01/2015 (Âm lịch), hội 04 tháng khai 01 lần, có tất cả 14 phần, ông C và bà T tham gia 01 phần, đến kỳ hội lần thứ 04 thì ông C và bà T hốt hội được với tổng số tiền 43.000.000 đồng, bà P đã giao đủ số tiền trên cho ông C và bà T (Biên nhận tiền ngày 20/01/2016 âm lịch). Sau đó, ông C và bà T đã đóng hội chết được 01 kỳ, còn nợ lại 9 kỳ với tổng số tiền là 45.000.000 đồng và dây hội này đã mãn.

- Dây hội 5.000.000 đồng, khai ngày 15/7/2015 (Âm lịch), hội 03 tháng khai 01 lần, có tất cả 12 phần, ông C và bà T tham gia 01 phần, đến kỳ hội lần thứ 02 thì ông C và bà T hốt hội được với tổng số tiền 30.500.000 đồng, bà P đã giao đủ số tiền trên cho ông C và bà T (Biên nhận tiền ngày 15/11/2015 âm lịch). Sau đó, ông C và bà T đã đóng hội chết được 01 kỳ, còn nợ lại 9 kỳ với tổng số tiền là 45.000.000 đồng và dây hội này đã mãn.

- Dây hội 5.000.000 đồng, khai ngày 15/11/2015 (Âm lịch), hội 03 tháng khai 01 lần, có tất cả 13 phần, ông C và bà T tham gia 01 phần, đến kỳ hội lần thứ 02 thì ông C và bà T hốt hội được với tổng số tiền 39.000.000 đồng, bà P đã giao đủ số tiền trên cho ông C và bà T (Biên nhận tiền ngày 15/02/2016 âm lịch). Sau đó, ông C và bà T đã đóng hội chết được 02 kỳ, còn nợ lại 9 kỳ với tổng số tiền là 45.000.000 đồng và dây hội này đã mãn.

- Dây hội 10.000.000 đồng, khai ngày 01/4/2016 (Âm lịch), hội 04 tháng khai 01 lần, có tất cả 11 phần, ông C và bà T tham gia 01 phần, đến kỳ hội lần thứ 02 thì ông C và bà T hốt hội được với tổng số tiền 64.900.000 đồng, bà P đã giao đủ số tiền trên cho ông C và bà T (Biên nhận tiền ngày 15/8/2016 âm lịch). Sau đó, ông C và bà T không có đóng hội chết, còn nợ lại 9 kỳ với tổng số tiền là 90.000.000 đồng và dây hội này đã mãn.

- Dây hội 1.000.000 đồng, khai ngày 10/10/2015 (Âm lịch), hội 01 tháng khai 01 lần, có tất cả 18 phần, ông C và bà T tham gia 01 phần, đến kỳ hội lần

thứ 4 thì ông C và bà T hốt hụi được với tổng số tiền 15.130.000 đồng, bà P đã giao đủ số tiền trên cho ông C và bà T (Biên nhận tiền ngày 15/4/2016 âm lịch). Sau đó, ông C và bà T đã đóng hụi chết được 8 kỳ, còn nợ lại 6 kỳ với tổng số tiền là 6.000.000 đồng và dây hụi này đã mãn.

Như vậy, tổng số tiền mà ông C và bà T còn nợ lại bà P là 231.000.000 đồng. Đối với toàn bộ chữ viết và chữ ký tên trong các biên nhận mà bà P nộp cho Tòa án là của bà T viết. Thời điểm giao, nhận hụi đều có mặt ông C nhưng do chỗ quen biết nên chỉ có mình bà T ký tên. Sau đó, mặc dù bà P đã nhiều lần đòi nợ nhưng ông C và bà T chỉ hứa chứ không thực hiện, cố tình tránh né bà P. Đồng thời, bà P xác định số tiền chơi hụi trên là tài sản của cá nhân bà P, không phải là tài sản chung với bất kỳ ai.

Theo đơn khởi kiện bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền nợ hụi là 236.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà P xin thay đổi yêu cầu là nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền nợ hụi là 225.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Đồng thời, bà P xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện là phần hụi chết 6.000.000 đồng của dây hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 10/10/2015. Anh Đ xin cam kết toàn bộ lời trình bày trên là đúng sự thật nếu sai anh Đ và bà P xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngoài ra, bà P không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm anh Dương Nhật Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Thị Kim O trình bày:*

Do chỗ quen biết nên vào ngày 02/4/2015 (Âm lịch), bà O có cho ông C và bà T vay số tiền là 37.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng/tổng số tiền (Bạc 03 phân), thỏa thuận miệng thời hạn trả là 06 tháng. Sau đó, đến ngày 07/6/2015 (Âm lịch), bà O có cho ông C và bà T vay tiếp số tiền là 70.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng/tổng số tiền (Bạc 03 phân), thỏa thuận miệng thời hạn trả cùng ngày với khoản vay trên. Hai bên có làm giấy nợ ghi trên tờ giấy tập học sinh ghi ngày ngày 02/4/2015 và ngày 07/6/2015 (Âm lịch), có chữ ký của bà T. Đối với toàn bộ chữ viết và chữ ký tên trong biên nhận này là của bà T viết. Thời điểm vay và giao, nhận tiền đều có mặt ông C nhưng do chỗ quen biết nên chỉ có mình bà T ký tên. Sau khi nhận được tiền thì ông C và bà T không có trả vốn hoặc lãi gì cho bà O. Khi đến hạn trả nợ mặc dù bà O đã nhiều lần đòi nợ nhưng ông C và bà T chỉ hứa chứ không thực hiện, cố tình tránh né bà O. Đồng thời, bà O xác định số tiền cho ông C và bà T vay trên là tài sản của cá nhân bà O, không phải là tài sản chung với bất kỳ ai.

Nay bà O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà O số tiền nợ vay vốn là 107.000.000 đồng, không yêu cầu

tính lãi. Anh Đ xin cam kết toàn bộ lời trình bày trên là đúng sự thật nếu sai anh Đ và bà O xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngoài ra, bà O không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm anh Dương Nhật Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thùy T trình bày:*

Trước đây, chị T có làm đầu thảo (Tổ trưởng) dây hụi (Tổ hùn vốn xoay vòng), ông C và bà T có tham gia như sau: Dây hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 15/7/2015 (Âm lịch), hụi 01 tháng khai 01 lần, có tất cả 15 phần, ông C và bà T tham gia 01 phần, đến kỳ hụi lần thứ 01 thì ông C và bà T hốt hụi được với tổng số tiền 47.000.000 đồng, chị T đã giao đủ số tiền trên cho ông C và bà T (Biên nhận tiền ngày 15/7/2015 âm lịch). Sau đó, ông C và bà T đã đóng hụi chết được 06 kỳ, còn nợ lại 08 kỳ với tổng số tiền là 40.000.000 đồng và dây hụi này đã mãn. Như vậy, tổng số tiền mà ông C và bà T còn nợ lại chị T là 40.000.000 đồng. Thời điểm giao, nhận hụi đều có mặt ông C nhưng do chỗ quen biết nên chỉ có mình bà T ký tên. Sau đó, mặc dù chị T đã nhiều lần đòi nợ nhưng ông C và bà T chỉ hứa chứ không thực hiện, cố tình tránh né chị T. Đồng thời, chị T xác định số tiền chơi hụi trên là tài sản của cá nhân chị T, không phải là tài sản chung với bất kỳ ai.

Theo đơn khởi kiện chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền nợ hụi là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm thì chị T xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện trên. Anh Đ xin cam kết toàn bộ lời trình bày trên là đúng sự thật nếu sai anh Đ và chị T xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngoài ra, chị T không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Bị đơn ông Lê Văn C và bà Lê Thị T mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười:*

- Về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự và người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng quy định tại Điều 217, khoản 2 Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều

16, Điều 20, Điều 25 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 27/11/2016 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đình chỉ yêu cầu của chị Huỳnh Thị Thùy T về việc yêu cầu ông Lê Văn C và bà Lê Thị T liên đới trả số tiền hụi chết còn nợ 40.000.000 đồng.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu ông Lê Văn C và bà Lê Thị T liên đới trả số tiền hụi còn nợ 6.000.000 đồng của dây hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 10/10/2015.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kim O, buộc bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả số tiền vay nợ là 107.000.000 đồng, không tính lãi suất.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P, buộc bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả số tiền hụi chết còn nợ là 225.000.000 đồng, không tính lãi suất.

* Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm:

- Nguyên đơn bà P nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Căn cước công dân và sổ hộ khẩu (Bản photo);

+ 05 tờ giấy tập học sinh ghi tiêu đề tổ hùn vốn và danh sách hội viên (Bản photo);

+ Biên nhận tiền ghi ngày 15/11/2015, ngày 20/01/2016, ngày 15/02/2016 và ngày 15/8/2016 âm lịch (Bản photo);

+ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ghi ngày 24/3/2022 (Bản photo);

+ Văn bản ủy quyền (Bản chính).

- Nguyên đơn bà O nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Giấy CMND và sổ hộ khẩu (Bản photo);

+ Biên nhận ghi ngày 02/4/2015 và ngày 07/6/2015 âm lịch (Bản photo);

+ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ghi ngày 24/3/2022 (Bản photo);

+ Văn bản ủy quyền (Bản chính).

- Nguyên đơn chi T nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (Bản photo);

+ 01 tờ giấy tập học sinh ghi tiêu đề danh sách hội viên (Bản photo);

+ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ghi ngày 24/3/2022 (Bản photo);

+ Văn bản ủy quyền (Bản chính).

- Bị đơn không có nộp tài liệu, chứng cứ gì.

- Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ do Tòa án thu thập gồm:

+ Xác nhận của Công an xã Hưng Thạnh;

+ Biên bản lấy lời khai.

Các tài liệu trong hồ sơ đã được công khai theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ các ngày 20/5/2022.

* *Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất:* Không.

* *Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền nợ hui là 225.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; Bà O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà O số tiền nợ vay vốn là 107.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền nợ hui là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và nợ hui” theo quy định tại Điều 463 và Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp 1, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

- Theo Quyết định tạm ngưng phiên tòa của Tòa án thì Hội thẩm nhân dân ông Lê Văn Vững và ông Nguyễn Văn Ánh. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm do ông Ánh bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng ông Nguyễn Văn Tuấn là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này và không có khiếu nại gì. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C và bà T mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người này.

- Theo xác nhận Công an xã Hưng Thạnh thì ông C và bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 1, xã Hưng Thạnh nhưng ông C và bà T đã bỏ địa phương đi vào năm 2019, đi đâu làm gì địa phương không biết. Xét thấy, theo đơn khởi kiện thì các nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông C và bà T theo địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thời điểm tham gia chơi hui và vay tiền của các nguyên đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Đ trình bày khi ông C và bà T đi khỏi địa phương không có thông báo cho các nguyên đơn.

Đồng thời, vào ngày 24/3/2022, ông C và bà T có về Văn phòng Công chứng Thập Mười để ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lại cho con ruột là anh Lê Duy Khánh. Các nguyên đơn biết được việc này nên đã khởi kiện ra Tòa án và đã cung cấp cho Tòa án được hợp đồng tặng cho trên. Do đó, việc ông C và bà T vắng mặt tại địa phương thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

- Đối với yêu cầu khởi kiện của bà P:

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Đ trình bày là nay bà P xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là đối với phầnhui chết 6.000.000 đồng của dây hui 1.000.000 đồng, khai ngày 10/10/2015. Xét thấy, việc bà P rút 01 phần yêu cầu khởi kiện trên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện trên của bà P. Trong trường hợp sau này giữa các bên có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

+ Bà P cho rằng vào năm 2015 và 2016 (Âm lịch) bà có làm đầu thảo 05 dây hui, còn ông C và bà T là hui viên tham gia 05 dây hui này. Trong quá trình chơi hui thì ông C và bà T đã hốt hui hết 05 dây hui trên nhưng không đóng hui chết lại cho bà P và bà P phải đóng thay cho ông C và bà T để giao tiền hui lại cho các hui viên còn lại, cụ thể: Dây hui 5.000.000 đồng, khai ngày 20/01/2015 (Âm lịch), hui 04 tháng khai 01 lần, có tất cả 14 phần, ông C và bà T tham gia 01 phần, đến kỳ hui lần thứ 04 thì ông C và bà T hốt hui được với tổng số tiền 43.000.000 đồng, bà P đã giao đủ số tiền trên cho ông C và bà T (Biên nhận tiền ngày 20/01/2016 âm lịch). Sau đó, ông C và bà T đã đóng hui chết được 01 kỳ, còn nợ lại 9 kỳ với tổng số tiền là 45.000.000 đồng và dây hui này đã mãn; Dây hui 5.000.000 đồng, khai ngày 15/7/2015 (Âm lịch), hui 03 tháng khai 01 lần, có tất cả 12 phần, ông C và bà T tham gia 01 phần, đến kỳ hui lần thứ 02 thì ông C và bà T hốt hui được với tổng số tiền 30.500.000 đồng, bà P đã giao đủ số tiền trên cho ông C và bà T (Biên nhận tiền ngày 15/11/2015 âm lịch). Sau đó, ông C và bà T đã đóng hui chết được 01 kỳ, còn nợ lại 9 kỳ với tổng số tiền là 45.000.000 đồng và dây hui này đã mãn; Dây hui 5.000.000 đồng, khai ngày 15/11/2015 (Âm lịch), hui 03 tháng khai 01 lần, có tất cả 13 phần, ông C và bà T tham gia 01 phần, đến kỳ hui lần thứ 02 thì ông C và bà T hốt hui được với tổng số tiền 39.000.000 đồng, bà P đã giao đủ số tiền trên cho ông C và bà T (Biên nhận tiền ngày 15/02/2016 âm lịch). Sau đó, ông C và bà T đã đóng hui chết được 02 kỳ, còn nợ lại 9 kỳ với tổng số tiền là 45.000.000 đồng và dây hui này đã mãn; Dây hui 10.000.000 đồng, khai ngày 01/4/2016 (Âm lịch), hui 04 tháng khai 01 lần, có tất cả 11 phần, ông C và bà T tham gia 01 phần, đến kỳ hui lần thứ 02 thì ông C và bà T hốt hui được với tổng số tiền 64.900.000 đồng, bà P đã giao đủ số tiền trên cho ông C và bà T (Biên nhận tiền ngày 15/8/2016 âm lịch). Sau đó, ông C và bà T không có đóng hui chết, còn nợ lại 9 kỳ với tổng số tiền là 90.000.000 đồng và dây hui này đã mãn. Xét thấy, lời trình bày trên của phía bà P là có cơ sở và việc chơi hui giữa bà P và bà T là có thật, thể hiện qua

các biên nhận nhận tiền hốt hụi có chữ ký, chữ viết của bà T. Đồng thời, những người làm chứng (Những hụi viên khác tham gia 05 dây hụi này) đều thống nhất trình bày là có thấy bà T (Tên thường gọi: Chị 3 Cờ) tham gia 05 dây hụi này và trong danh sách hụi có thể hiện người chơi “Chị 3 Cờ” và 05 dây hụi trên đều đã mãn. Đối với ông C và bà T mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến đồng ý hay phản đối gì đối với lời trình bày và yêu cầu của phía bà P. Ngoài ra, các dây hụi trên đều đã mãn, phía bà T không đóng hụi chết lại cho bà P và bà P đã phải đóng hụi thay cho bà T để giao tiền hụi lại cho các hụi viên còn lại. Do đó, nay bà P yêu cầu bà T trả lại số tiền nợ hụi chết của 04 dây hụi trên với tổng số tiền là 225.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, đối với yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà T trả số tiền nợ hụi trên. Xét thấy, trong danh sách hụi viên và các biên nhận nhận tiền hụi mà bà P cung cấp cho Tòa án thì không có ghi tên ông C và ông C cũng không có ký tên gì vào các giấy tờ này. Đồng thời, tính đến nay thì phía bà P không có chứng cứ gì chứng minh ông C có liên quan việc chơi hụi này và cũng không chứng minh được bà T sử dụng số tiền hốt hụi này để nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình bà T và ông C. Ngoài ra, phía bà P cũng không có chứng minh được số tiền nợ hụi trên là nghĩa vụ chung của vợ chồng bà T và ông C theo quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện trên của bà P là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của bà O: Bà O cho rằng vào ngày 02/4/2015 (Âm lịch), bà O có cho ông C và bà T vay số tiền là 37.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng/tổng số tiền, thời hạn trả là 06 tháng. Sau đó, vào ngày 07/6/2015 (Âm lịch), bà O có cho ông C và bà T vay tiếp số tiền là 70.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng/tổng số tiền, thời hạn trả là cùng ngày với với khoản vay số tiền là 37.000.000 đồng. Xét thấy, lời trình bày trên của phía bà O là có cơ sở và việc bà O có cho bà T vay tiền là có thật, thể hiện qua “Biên nhận ghi ngày 02/4/2015 và ngày 07/6/2015” có chữ ký, chữ viết của bà T. Đây là hợp đồng vay có thời hạn, có lãi và đến nay hợp đồng vay đã quá hạn, phía bà T chưa trả nợ vốn và lãi cho bà O là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự. Đối với ông C và bà T mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến đồng ý hay phản đối gì đối với lời trình bày và yêu cầu của phía bà O. Do đó, nay bà O yêu cầu bà T trả lại số tiền nợ vay vốn tổng cộng là 107.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, đối với yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà T trả số tiền nợ vay trên. Xét thấy, trong “Biên nhận ghi ngày 02/4/2015 và ngày 07/6/2015” mà bà O cung cấp cho Tòa án thì không có ghi tên ông C và ông C cũng không có ký

tên gì vào các giấy tờ này. Đồng thời, tính đến nay thì phía bà O không có chứng cứ gì chứng minh ông C có liên quan việc vay tiền này và cũng không chứng minh được bà T sử dụng số tiền vay này để nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình bà T và ông C. Ngoài ra, phía bà O cũng không có chứng minh được số tiền nợ vay trên là nghĩa vụ chung của vợ chồng bà T và ông C theo quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện trên của bà O là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Đ trình bày là nay chị T xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T. Xét thấy, việc phía chị T rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện trên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ yêu cầu khởi kiện trên của chị T. Trong trường hợp sau này giữa các bên có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Trong vụ án này, các nguyên đơn không yêu cầu tính lãi gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ và phù hợp pháp luật 01 phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần. Không chấp nhận phần yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà T trả số tiền nợ hui tổng cộng là 225.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà P về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà P số tiền nợ hui chết là 6.000.000 đồng của dây hui 1.000.000 đồng, khai ngày 10/10/2015.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của bà O là có căn cứ và phù hợp pháp luật 01 phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần. Không chấp nhận phần yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà T trả số tiền nợ vay vốn tổng cộng là 107.000.000 đồng.

- Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho chị T số tiền nợ hui chết tổng cộng là 40.000.000 đồng.

[6] Đối với các đương sự còn lại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[7] Tại các phiên tòa sơ thẩm, đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[8] Về ý kiến và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười:

- Về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng

dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự và người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đình chỉ yêu cầu của chị Huỳnh Thị Thùy T về việc yêu cầu ông Lê Văn C và bà Lê Thị T liên đới trả số tiền hụi chết còn nợ 40.000.000 đồng.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu ông Lê Văn C và bà Lê Thị T liên đới trả số tiền hụi còn nợ 6.000.000 đồng của dây hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 10/10/2015.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kim O, buộc bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả số tiền vay nợ là 107.000.000 đồng, không tính lãi suất.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P, buộc bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả số tiền hụi chết còn nợ là 225.000.000 đồng, không tính lãi suất.

Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí:

- Bà P và bà O không phải chịu tiền án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Chị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bà T phải có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 192, Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 244, Điều 267 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P:

- Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P. Buộc bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền nợ hui tổng cộng là 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Lê Thị T trả số tiền nợ hui tổng cộng là 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn C và bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà P số tiền nợ hui chết là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) của dây hui 1.000.000 đồng, khai ngày 10/10/2015.

+ Bà P có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu khởi kiện trên theo thủ tục chung.

+ Trả lại đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo liên quan đến yêu cầu khởi kiện trên cho bà P (Nếu có yêu cầu).

2. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kim O:

- Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kim O. Buộc bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Ngô Thị Kim O số tiền nợ vay vốn tổng cộng là 107.000.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu đồng).

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kim O về việc yêu cầu ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Lê Thị T trả số tiền nợ vay vốn tổng cộng là 107.000.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu đồng).

3. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thùy T:

- Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thùy T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn C và bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho chị T số tiền nợ hui chết tổng cộng là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Chị T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu khởi kiện trên theo thủ tục chung.

- Trả lại đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo liên quan đến yêu cầu khởi kiện trên cho chị T (Nếu có yêu cầu).

4. Về án phí:

- Bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà P 5.900.000 đồng (Năm triệu, chín trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0007685, ngày 01/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà O 2.675.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0007686, ngày 01/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Hoàn trả cho chị T 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0007687, ngày 01/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà T phải chịu 11.250.000 đồng (Mười một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận.

- Bà T phải chịu 5.350.000 đồng (Năm triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà O được chấp nhận.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKS huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Linh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Phường

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Vững - Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Minh Phường

